

Bản án số: 74/2022/DS-PT

Ngày: 21 - 12 - 2022

"V/v tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Trần Trung Thành và ông Dương Viết Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 71/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022, về việc: Tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS - ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2511/2022/QĐ-PT ngày 01/11/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 2654/2022/QĐ-PT ngày 23/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Công B, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố S, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Võ Diệp Minh Tr, sinh năm 1988; địa chỉ: đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, (theo giấy ủy quyền lập ngày 08/3/2022 tại Phòng Công chứng), chị Trang có mặt.

- Bị đơn: Chị Thái Thị Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: đường F phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, chị Đức, có mặt.

- Người kháng cáo: Anh Lê Công B là nguyên đơn trong vụ án

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên tòa anh Lê Công B nguyên đơn và chị Võ Diệp Minh Tr người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, anh Lê Công B và chị Thái Thị Đ đã ký kết 01 giấy nhận tiền đặt cọc để đảm bảo cho việc hai bên sẽ thực hiện các thủ tục xin cấp Visa cho anh B làm người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Tại giấy nhận tiền đặt cọc đã ký kết, chị Đ xác nhận đã nhận từ anh B số tiền đặt cọc là 127.720.000 đồng để đảm bảo cho việc thanh toán các chi phí làm thủ tục xin cấp phép visa và ký kết hợp đồng lao động làm việc ở nước ngoài, số tiền đặt cọc này được anh B thanh toán cho chị Đ qua 02 đợt:

Đợt 1: Ngày 28 tháng 8 năm 2019, anh B đã thanh toán cho chị Đ số tiền là 58.000.000 đồng.

Đợt 2: Ngày 27 tháng 11 năm 2019, anh B đã thanh toán cho chị Đ số tiền là 69.720.000 đồng.

Theo thỏa thuận tại giấy nhận tiền đặt cọc, chị Đ có cam kết trong vòng 8 tháng kể từ ngày nhận tiền đặt cọc, nếu chị không xin cấp visa được cho anh B đi làm việc ở nước ngoài thì chị Đ sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền đặt cọc đã nhận. Tuy nhiên, khi hết thời hạn 08 tháng như đã cam kết (tức là ngày 27/7/2020) chị Đ vẫn chưa hoàn thành được nghĩa vụ xin cấp visa cho anh B. Chính vì thế anh Bằng đã nhiều lần yêu cầu chị Đ thực hiện nghĩa vụ trả tiền do vi phạm hợp đồng đặt cọc kê trên nhưng hiện nay chị Đ vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh B. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, căn cứ vào nội dung thỏa thuận giấy nhận tiền đặt cọc ngày 27/11/2019 anh B đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh B khoản tiền nhận đặt cọc 127.720.000 đồng và bồi thường do vi phạm hợp đồng đặt cọc với số tiền 127.720.000 đồng, tổng cộng số tiền anh B yêu cầu chị Đ phải trả là 255.440.000 đồng.

Bị đơn chị Thái Thị Đ trình bày tại bản tự khai, hòa giải và tại phiên tòa: Tháng 8 năm 2019 tôi (Đ) có ký hợp đồng làm cộng tác viên khai thác nguồn lao động đi xuất khẩu lao động tại Canada cho Công ty TNHH Nhân lực Q do ông Hoàng Minh D làm giám đốc. Trong thời gian đó tôi có môi giới và hướng dẫn các điều kiện thủ tục cho 05 trường hợp trong số đó có anh Lê Công B là đồng nghiệp cũ tại Công ty du lịch S. Theo quy định của Công ty TNHH nhân lực Q thì các học viên lao động đăng ký đi xuất khẩu lao động tại Canada sau khi nghe hiểu các điều khoản, điều kiện và ký vào hợp đồng đào tạo tiếng anh, công việc đơn hàng mình đăng ký thì tiến hành đóng tiền cọc đợt 1 số tiền là 58.000.000 đồng. Ngày 28/8/2019 các lao động đều đăng ký đóng tiền cọc để tham gia khóa học và đào tạo tiếng anh đi xuất khẩu Canada, trong đó có anh Lê Công B, số tiền cọc đợt 1 Công ty thu và viết giấy nhận tiền cho tôi. Sau khi học tiếng 4 tháng Công ty yêu cầu đóng tiền đợt 2 để đi làm thủ tục visa, lăn tay xin visa, các trường hợp trên đều đóng tiền trong đó có anh B đóng số tiền 69.720.000 đồng, tổng 02 đợt là 127.720.000 đồng. Tất cả số tiền trên đều được chuyển khoản hoặc tiền mặt cho anh D

là giám đốc Công ty. Số tiền trên dùng để thanh toán chi phí ký kết hợp đồng lao động và làm các thủ tục visa trong vòng 8 tháng tới. Tuy nhiên học đến giữa chừng anh B xin được việc làm tại Đồng Hới và quyết định huỷ không đi xuất khẩu lao động tại Canada và xin lại tiền cụ thể là ngày 12/7/2020 có lịch lặn tay tại Sài Gòn mà anh B không đi. Sau thời gian đó anh B có vài lần liên hệ với tôi nhờ tôi tác động với Công ty xin lại tiền cọc, anh D và vợ là chị H có hứa là xem xét các chi phí đã sử dụng còn lại sẽ hoàn theo cam kết hợp đồng cho anh B. Nên từ đó tới nay tôi không theo dõi, anh B có nhiều lần đến đòi tôi vì không lấy lại được tiền ở Công ty. Qua sự việc này tôi thấy anh B cũng phải có trách nhiệm chứ không phải chỉ sai phạm của Công ty hay là bản thân tôi, anh B bỏ ngang giữa chừng không tham gia học cũng không đi làm thủ tục, Công ty không thể hoàn trả số tiền trên là đúng. Thực tế tôi thừa nhận đã nhận từ anh B số tiền đặt cọc hai đợt là 127.720.000 đồng để đảm bảo cho việc anh B được đào tạo tiếng anh và công việc nghề mà anh B đăng ký đi xuất khẩu lao động tại Canada và tôi đã viết giấy nhận tiền cọc của anh Lê Công B. Việc anh B khởi kiện đòi lại số tiền cọc 127.720.000 đồng và bồi thường do vi phạm hợp đồng đặt cọc 127.720.000 đồng thì tôi không nhất trí. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466; khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Công B

Buộc bị đơn chị Thái Thị Đ phải trả số tiền gốc đã nhận 127.720.000 đồng cho anh Lê Công Bằng theo giấy nhận tiền ngày 27/11/2019.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Công B đối với yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng đặt cọc với số tiền là 127.720.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chị Thái Thị Đ phải chịu 6.386.000 đồng;

Nguyên đơn phải chịu 6.386.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.386.000 đồng anh B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong hạn luật định, ngày 10/9/2022 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Lê Công B kháng cáo Bản án sơ thẩm đề nghị

Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, quyết định sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của anh Lê Công B, giữ nguyên toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự, bị đơn có địa chỉ tại thành phố Đồng Hới, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật giải quyết: Mặc dù chị Đ có viết giấy nhận tiền đặt cọc đi Canada và chị Đ có cam kết trong vòng 8 tháng sẽ có visa cho anh B để đi xuất lao động tại Canada nhưng trong quá trình làm các thủ tục, hồ sơ học tiếng, xin visa cho anh B không thực hiện được, anh B đòi lại số tiền đã giao cho chị Đ, do đó Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xác định tranh chấp đòi lại tài sản là đúng.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 255.440.000 đồng (trong đó gồm 127.720.000 đồng là tiền chị Đ đã nhận đặt cọc và 127.720.000 đồng là khoản tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng đặt cọc), Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ trình bày của các bên đương sự tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa thì xác định được chị Đ có nhận từ anh Bằng 02 đợt với số tiền 127.720.000 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng) mục đích làm thủ tục xin cấp visa cho anh B đi làm việc tại Canada, nếu không ra visa được trong thời hạn đã cam kết tại Giấy nhận tiền đặt cọc thì chị Đ cam kết trả lại số tiền đã nhận cọc.

Bị đơn chị Đ cho rằng vào tháng 8 năm 2019, chị Đ có ký hợp đồng làm cộng tác viên khai thác nguồn lao động đi xuất khẩu lao động tại Canada cho Công ty TNHH Nhân lực Q do anh Hoàng Minh D làm giám đốc. Trong thời gian đó chị Đ có môi giới và hướng dẫn các điều kiện thủ tục cho 05 trường hợp làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Canada, trong số đó có anh Lê Công B là đồng nghiệp cũ tại Công ty Du lịch S. Theo quy định của Công ty TNHH Nhân lực Q thì các học viên lao động đăng ký đi xuất khẩu lao động tại Canada sau khi nghe hiểu các điều khoản, điều kiện và ký vào hợp đồng đào tạo tiếng anh, công việc đơn hàng mình đăng ký thì tiến hành đóng tiền cọc đợt 1 số tiền là 58.000.000 đồng. Ngày 28/8/2019 các lao động đều đăng ký đóng tiền cọc để tham gia khoá học và đào tạo tiếng anh đi xuất khẩu Canada, trong đó có anh Lê Công B. Số tiền cọc đợt một công ty thu và viết giấy nhận tiền cho chị Đ, sau khi học tiếng tháng công ty yêu cầu đóng tiền đợt 2 để đi làm thủ tục visa, lăn tay xin visa, các trường hợp trên đều đóng tiền trong đó có anh Lê Công B số tiền đợt 2 là 69.720.000 đồng (tổng hai đợt với số tiền 127.720.000 đồng). Tất cả số tiền trên chị Đ chuyển khoản hoặc tiền mặt cho anh D là giám đốc Công ty để thanh toán chi phí ký kết hợp đồng lao động và làm các thủ tục visa trong vòng 8 tháng tới. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc tất cả số tiền 127.720.000 đồng trên đều được chuyển khoản hoặc tiền mặt đã nhận từ anh B cho anh D là giám đốc Công ty TNHH Nhân lực Q. Do đó đây là giao dịch riêng giữa chị Đ và Công ty nếu phát sinh tranh chấp thì giải quyết ở một vụ kiện khác, chị Đ cũng không yêu cầu Toà án giải quyết nội dung này trong cùng vụ án.

[2.2] Việc chị Đ thừa nhận đã nhận từ anh B tổng số tiền 127.720.000 đồng và đến nay chưa trả lại cho anh B là trách nhiệm của chị Đ, chị Đ có viết giấy hẹn trả lại tiền sau khi thỏa thuận cho anh B vào ngày 07/02/2021. Mặc dù, chị Đ cho rằng do anh B bỏ ngang giữa chừng không tham gia khóa học và cũng không đi làm thủ tục lăn tay visa nên Công ty không thể hoàn trả số tiền trên. Tuy nhiên chị Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nội dung này, vì vậy chị Đ phải có trách nhiệm trả lại cho anh B số tiền đã nhận 127.720.000 đồng.

[2.3] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn (chị Đ) trả số tiền 127.720.000 đồng tiền phạt cọc do vi phạm, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở, bởi lẽ: Mặc dù Giấy nhận tiền do chị Đ viết có ghi là đặt cọc, tuy nhiên không có nội dung nào thỏa thuận về phạt cọc, nội dung này phù hợp với nội dung tại Giấy hẹn trả tiền sau khi thỏa thuận ghi ngày 07/02/2021 mà hai bên đã ký cam kết. Đồng thời, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận không có điều khoản thỏa thuận phạt cọc giữa hai bên khi hai bên vi phạm điều khoản hợp đồng đã giao kết mà chỉ có Giấy nhận tiền đặt cọc do riêng chị Đ viết và ký nhận ngày 27/11/2019.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn trả lại số tiền 127.720.000 đồng đã nhận; Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số

tiền phạt cọc là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, vì vậy kháng cáo của nguyên đơn anh B không được chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh Lê Công B phải chịu nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 127.720.000 đồng do vi phạm hợp đồng đặt cọc. Giữ nguyên toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2022/DS-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: anh Lê Công B phải chịu nộp 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 31AA/2021/0001247 ngày 21/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (21/12/2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa Dân sự, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn

